

Bản án số: 512/2024/DS-PT
Ngày: 05-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Bà Kiều Kim Xuân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Trung Đền - Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 304/2024/TLPT- DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 04/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 476/2024/QĐPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tú U, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Người đại diện theo ủy quyền*** cho anh L là anh Trần Huỳnh V, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ D, khóm A, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2024) (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt);

HKTT: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Anh Huỳnh Văn D (chồng chị U), sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Chị Nguyễn Thị H (vợ anh L), sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Chị Nguyễn Thị Tú U trình bày:** Anh Nguyễn Văn L là đồng nghiệp hiện đang là giáo viên dạy chung trường Trung học cơ sở (THCS) Tân Hộ Cơ thuộc xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Trước đây anh L có nhiều lần vay tiền của chị để đáo nợ Ngân hàng, lãi suất thoả thuận các lần là 2.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thời gian vay khoảng 03 đến 05 ngày thì anh L trả đủ tiền gốc và lãi cho chị. Do các lần vay trước anh L đều trả tiền đủ theo thoả thuận nên chị U rất tin tưởng anh L.

Đến khoảng 10 giờ ngày 12/5/2023, anh L tiếp tục gọi điện thoại cho chị để hỏi vay số tiền 01 tỷ đồng để đáo hạn vay tại Ngân hàng S, lãi suất vay thoả thuận là 2.000đồng/1.000.000đ/01 ngày, anh L hẹn đến ngày 15/5/2023 thì sẽ trả đủ tiền lãi và tiền gốc (do anh L tại thời điểm này có vay tiền tại Ngân hàng S nên chị tin tưởng và cho vay). Đồng thời, khi hỏi vay thì anh L có nói là anh L đang bận gác kiểm tra học kì 2 tại Trường THCS T1 nên anh L không thể đến trực tiếp tại Ngân hàng trả tiền được và không trả kịp trong ngày hôm đó thì bị Ngân hàng phạt trễ hạn và bị nợ xấu nên nhờ chị có nói với chồng của chị là anh Huỳnh Văn D giúp anh L đến Ngân hàng để chuyển khoản số tiền 01 tỷ đồng dùm. Lúc này anh L gửi qua Zalo của chị số tài khoản của Ngân hàng S1 số 3979794979 của người tên Nguyễn Thanh T, sau đó anh D đi đến Ngân hàng A Chi nhánh huyện T, tỉnh Đồng Tháp để lấy số tiết kiệm chuyển vào số tài khoản theo yêu cầu của anh L, tiền phí chuyển tiền là 660.000đ, tổng cộng tiền gốc và phí chuyển là 01 tỷ 660.000đồng. Sau đó, anh L có nhắn tin cho chị U xác nhận là đã nhận được số tiền 01 tỷ đồng. Sau đó anh L đã trả cho chị U số tiền phí chuyển tiền là 660.000 đồng, hiện anh L còn nợ số tiền gốc là 01 tỷ đồng.

Tuy nhiên, khi đến hạn trả thì anh L nhiều lần cố tình trốn tránh, không chịu trả và chối bỏ trách nhiệm, anh L viện nhiều lý do để không trả nợ như: ngắn hạn làm hồ sơ bị sai sót thông tin CMND và CCCD, Ngân hàng chưa được giải ngân,... Chị U có nhiều lần đến nhà anh L đề nghị anh L viết biên nhận nợ số tiền nêu trên và yêu cầu anh L cam kết ngày trả thì vợ chồng anh L không đồng ý mà cho rằng

anh L chỉ là người mai mối cho người tên Nguyễn Thanh T vay số tiền nêu trên chứ không phải anh L vay, chị U có gửi đơn tố cáo đến Công an huyện T thì cơ quan Công an có mời anh L để làm việc, anh L xác nhận nợ với chị và hứa sẽ trả dần lúc này bên Công an có lập biên bản ghi nhận sự việc.

Sau đó Công an có mời anh T về làm việc lúc đó có mặt chị, anh L. Công an mới thu hồi giấy anh L cam kết nợ để hủy bỏ và tiến hành làm việc với anh T, chị, anh L. Tại Công an anh T khai nhận: Chỉ vay số tiền 01 tỷ đồng từ anh L chứ không có vay của chị. Anh T xác nhận rằng giữa anh T và vợ chồng chị không quan biết, từ trước đến nay không có làm ăn vay mượn tiền lần nào hết.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị U yêu cầu giải quyết buộc anh L, chị H phải liên đới trả cho chị số tiền vay gốc 01 tỷ đồng và tiền lãi kể từ ngày 16/5/2023 đến ngày tòa án giải quyết xong, mức lãi suất 0,83%/tháng.

- **Anh Huỳnh Văn D:** Thống nhất theo lời trình bày của chị U. Vào ngày 12/5/2023 anh có đến Ngân hàng A chi nhánh huyện T để chuyển số tiền 01 tỷ đồng và tiền phí chuyển là 660.000đ đến số tài khoản 3979794979 Ngân hàng SHB của người tên Nguyễn Thanh T theo yêu cầu của anh L. Tại phiên tòa sơ thẩm anh đồng ý để chị U yêu cầu anh L, chị H liên đới trả nợ vay cho chị U, anh không tranh chấp.

- **Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:** Qua yêu cầu của chị U thì anh không đồng ý. Anh thừa nhận vào ngày 12/5/2023 anh có điện thoại cho chị U để hỏi vay 01 tỷ đồng nhưng việc vay này là anh L giới thiệu cho anh T vay chứ anh L không vay. Khi điện thoại cho chị U thì anh có nói “*cô U có cho vay đảo nợ ngân hàng không*”, chị U trả lời “*có*”, sau đó anh L mới nhắn tin số tài khoản của anh T cho chị U. Do đó, việc vay nợ là của anh T với chị U, còn anh L không liên quan.

Qua yêu cầu của chị U thì anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị U vì anh T nhận tiền từ anh D chuyển khoản.

- **Chị Nguyễn Thị H trình bày:** Chị thống nhất theo lời trình bày của anh L. Anh L chỉ là người giới thiệu anh T cho chị U cho vay nên nợ này là nợ của anh T với chị U chứ không phải nợ của anh L với chị.

- **Anh Nguyễn Thanh T trình bày:** Vào ngày 12/5/2023 anh có điện thoại hỏi vay của anh L số tiền 01 tỷ đồng lãi theo thỏa thuận là 3.000đ/1.000.000đ/01 ngày. Đến chiều cùng ngày anh T có nhận được số tiền 01 tỷ đồng từ người chuyển tên Huỳnh Văn D, sau đó anh T mới được anh L thông báo tiền phí chuyển là 660.000đ. Anh T khai nhận không có vay của chị U và từ trước tới giờ cũng không quen biết chị U. Vào khoảng tháng 6/2023, khi anh L tố cáo anh T tại cơ quan Công an thì anh T cũng đã thừa nhận nợ với anh L, do hoàn cảnh khó khăn mới chưa trả cho anh L. Nay anh T thống nhất trả cho anh L tổng số tiền là 01 tỷ 660.000đ nếu anh L yêu cầu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 04/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị H liên đới trả nợ vay gốc 1.000.000.000đ và lãi 96.279.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 1.096.279.000đ (một tỷ không trăm chín mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng) cho chị Nguyễn Thị Tú U.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị H liên đới nộp 44.888.000 đồng (lấy tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Tú U không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Nguyễn Thị Tú U số tiền 22.245.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0000577 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/5/2024 anh Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, anh Nguyễn Văn L yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú U, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị Tú U yêu cầu anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 16/5/2023 đến ngày Tòa án giải quyết xong, lãi suất 0,83%/tháng cho chị Nguyễn Thị Tú U, anh Huỳnh Văn D.

Việc chị U cho anh L vay số tiền 1.000.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi vì vào ngày 12/5/2023 anh L có gọi điện thoại để hỏi vay tiền của chị U, chị U đồng ý cho vay 1.000.000.000 đồng với lãi suất là 2.000 đồng/1 ngày/1.000.000 đồng, nhưng anh L yêu cầu chuyển khoản vào số tài khoản Ngân hàng S1 số 3979794979 của người tên Nguyễn Thanh T. Mục đích anh L vay tiền của chị U là để anh L cho anh T vay lại với lãi suất 3.000 đồng/1 ngày/1.000.000 đồng để hưởng chênh lệch.

Theo các biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Thanh T tại Cơ quan Điều tra Công an huyện T, anh T thừa nhận có hỏi vay của anh L số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1 ngày/1.000.000 đ, anh T không có quen biết chị U, anh D, anh T cũng không có hỏi vay tiền của chị U, số tiền vay 1.000.000.000 đồng mà anh L có đơn thưa yêu cầu xử lý hình sự anh T là số tiền mà anh T vay của anh L, anh thống nhất nợ anh L và sẽ trả cho anh L theo quy định.

Anh L, chị H cho rằng chỉ giới thiệu cho chị U để chị U cho anh T vay là không phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Vì, người gọi điện thoại cho chị U để đặt vấn đề vay tiền là anh L, giữa chị U và anh T không quen biết nhau, không từng gặp mặt nhau cho đến khi Cơ quan Điều tra Công an huyện T triệu tập đến làm việc. Anh L, chị H cho rằng anh, chị chỉ là người giới thiệu cho anh T để vay tiền, nhưng anh L lại trả khoản phí chuyển tiền 660.000 đồng cho anh D là chồng chị U. Sau khi anh T mất khả năng chi trả số tiền 1.000.000.000 đồng thì anh L là người có đơn thưa anh T đến cơ quan Công an huyện T với nội dung anh L thừa nhận "*có mượn tiền của anh D để chuyển cho anh T*". Trong quá trình làm việc với Cơ quan điều tra Công an huyện T anh L đều thừa nhận có mượn tiền 1.000.000.000 đồng của anh D vào ngày 12/5/2023 để cho anh T vay lại với lãi suất 3.000 đồng/1 ngày/1.000.000 đồng. Mặt khác, vào ngày 12/5/2023 giữa anh L và anh T có xác lập giao dịch vay tiền, cụ thể theo tờ biên nhận có nội dung "*Tôi Nguyễn Thanh T có nhận 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của anh Nguyễn Văn L*", chứng cứ này do chính anh L cung cấp cho Tòa án. Tại phiên tòa anh L và chị H thừa nhận rằng: Vợ chồng anh, chị có đăng ký kết hôn và hôn nhân vẫn còn tồn tại. Vì vậy, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị U buộc anh L và chị H có nghĩa vụ trả lại số tiền vay 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu kháng cáo của anh L là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên anh L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[2] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27; Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn L.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 04/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
3. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị H liên đới trả nợ vay gốc 1.000.000.000đ và lãi 96.279.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 1.096.279.000đ (một tỷ không trăm chín mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng) cho chị Nguyễn Thị Tú U.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị H liên đới nộp 44.888.000 đồng (lấy tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Tú U không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Tú U số tiền 22.245.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0000577 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0010046, ngày 17/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (anh L đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- TAND huyện T;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội